

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HS-ST
Ngày 26 tháng 8 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Bích Lược

Thẩm phán: Ông Phạm Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Ngọc Thắng

2/ Ông Nguyễn Xuân Đào

3/ Bà Bùi Thị Hảo

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Mã Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2022/TLST- HS ngày 08 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2022/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị D**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh năm 1983 tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Số nhà 14, tổ 17, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; quốc tịch Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; Bố đẻ: Nguyễn Xuân H, sinh năm 1947; mẹ đẻ: Trần Thị N, đã chết; anh, chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ ba; chồng: Nguyễn Chí T, sinh năm 1975; con: 02 con; lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/02/2022, hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ.

(Bị cáo có mặt)

Bị hại: 1/ Ông Đặng Ngọc C- sinh năm 1980; (có mặt)

TT: Phòng 606, CT1, Mễ Trì Thượng, quận N, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đặng Ngọc C:

1. Ông Lê Đình U- sinh năm 1970 (có đơn xét xử vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn Đ- sinh năm 1979 (có mặt)

Đều là luật sư Văn phòng luật sư Thiên Ứng thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội;

Địa chỉ: Phòng 208, tầng 2, tòa nhà CT2-A1, khu đô thị mới T, quận H, thành phố Hà Nội.

2/ Ông Nguyễn Trường S, sinh năm 1976; (có đơn xét xử vắng mặt)

TT: Công ty R, số 70, phố A, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Trường S:

Ông Lê Đình U- sinh năm 1970 (có đơn xét xử vắng mặt)

Là luật sư Văn phòng luật sư Thiên Ứng thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội;

Địa chỉ: Phòng 208, tầng 2, tòa nhà CT2-A1, khu đô thị mới T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người làm chứng

1. Công ty cổ phần thương mại Đ(vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thúy L- Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Khu Phú Cát, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ;

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn M (có mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Văn N.

Địa chỉ: Tổ 25, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

3. Chị Đào Thị N- sinh năm 1988; (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Thọ An, xã N, huyện Y, tỉnh Thái Bình.

4. Anh Hà Đăng K- sinh năm 1984; (có mặt)

TT: Công ty cổ phần tập đoàn H, thôn M, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ tiếp nhận đơn tố giác của ông Đặng Ngọc C, sinh năm 1980; trú tại: Tổ dân phố 6, phường Phú Đô, quận N, thành phố Hà Nội và ông Nguyễn Trường S, sinh năm 1976; trú tại: Tổ dân phố Tân Xuân 1, phường Xuân Đình, quận B, thành phố Hà Nội, tố giác đối với Nguyễn Thị D, sinh năm 1983, trú tại: Thị trấn Tân Bình, huyện Y, tỉnh Thái Bình, là Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng 389 S, địa chỉ: Tầng 2, số 5, dãy D, ngõ 349 đường Tam Chinh, phường H, quận H, thành phố Hà Nội về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Quá trình kiểm tra, xác minh vụ việc xác định: Nguyễn Thị D là Giám đốc- Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng 389 S, đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 10/10/2011; địa chỉ công ty: Tầng 2, số 5, dãy D, ngõ 349 đường Tam Chinh, phường H, quận H, thành phố Hà Nội; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 26/5/2021, đổi tên thành Công ty cổ phần xây dựng và khoáng sản 389 S (Công ty 389 S), mã số doanh nghiệp: 0*****, trụ sở: Số nhà 14, tổ 17, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình, ngành nghề kinh doanh: khai thác khoáng sản.

Ngày 04/11/2020 giữa Công ty 389 S và Công ty Cổ phần thương mại Đ (Công ty Đ), trụ sở: tại xã Cát Trù (nay là xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ; người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị Thùy L- Giám đốc, ký kết Hợp đồng hợp tác khai thác và bao tiêu sản phẩm, nội dung của hợp đồng là Công ty Đ có mỏ cát tại S thuộc xã Cát Trù, huyện C theo Giấy phép khai thác số 74/GP-UBND ngày

19/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ cho Công ty 389 S được quyền khai thác cát bán, cùng chia lợi nhuận. Sau khi ký hợp đồng với Công ty Đ, ngày 16/12/2020 giữa Công ty 389 S và Công ty trách nhiệm hữu hạn M (Công ty M); địa chỉ: Đội 4 Nam Thái, xã Kim Thái, huyện V, tỉnh Nam Định, người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Văn N, ký kết Hợp đồng kinh tế, nội dung hợp đồng là Công ty 389 S cung cấp nguồn cát sỏi (có do ký Hợp đồng với Công ty Đ) để Công ty M khai thác, chế biến, sàng lọc cát tại huyện C, tỉnh Phú Thọ thành cát thành phẩm bán ra thị trường.

Ngày 02/01/2021, Công ty 389 S và Công ty M ký Phụ lục hợp đồng, nội dung: Do bất đồng về địa điểm khai thác cát nên Công ty 389 S chuyển toàn bộ quyền khai thác và bao tiêu sản phẩm cát, sỏi tại khu 5, xã Cát Trù, huyện C, tỉnh Phú Thọ của Công ty Đ cho Công ty M được quyền khai thác, cùng ngày 02/01/2021 Công ty 389 S và Công ty M ký Biên bản thanh lý hợp đồng đã ký ngày 16/12/2020. Ngày 05/01/2021, Nguyễn Thị D viết đơn xin rút khỏi hợp đồng đã ký ngày 04/11/2020 với Công ty Đ gửi trực tiếp cho bà Nguyễn Thị Thuỳ L-Giám đốc Công ty Đ. Sau thời điểm này, Công ty 389 S của Nguyễn Thị D không còn triển khai hoạt động kinh doanh, hợp tác gì với Công ty Đ và Công ty M.

Ông Nguyễn Trường S là em họ của Nguyễn Thị D, qua mối quan hệ trên Nguyễn Thị D đặt vấn đề bản thân có quyền khai thác mỏ cát tại huyện C, tỉnh Phú Thọ đang cần tìm người hợp tác góp vốn để khai thác chia lợi nhuận và rủ ông Nguyễn Trường S cùng góp vốn hợp tác, ông S đã trao đổi lại với bạn là ông Đặng Ngọc C và rủ ông C cùng tham gia đầu tư góp vốn, ông C nhất trí. Nguyễn Thị D cho ông S và ông C xem hợp đồng giữa Công ty 389 S ký kết với Công ty Đ và Công ty M đã dừng triển khai nêu trên, trước đó Nguyễn Thị D trực tiếp sửa lại tỷ lệ chia lợi nhuận tại Điều 2 của Hợp đồng giữa Công ty 389 S với Công ty Đ, từ “Công ty Đ được hưởng tỷ lệ lợi nhuận 60%, Công ty 389 S 40%” thành Công ty Đ 40%, Công ty S 60% và sửa lại số tiền Công ty 389 S tạm ứng cho Công ty M trong hợp đồng giữa hai công ty từ 100.000.000 đồng thành 300.000.000 đồng, mục đích để ông C, ông S tin tưởng vào khả năng tài chính của Công ty 389 S và tỷ lệ lợi nhuận lớn từ mỏ cát Công ty 389 S đã ký kết hợp đồng. Đồng thời D xây dựng bản kế hoạch sử dụng vốn góp: Chi phí thuê máy hút cát 600.000.000 đồng, chi phí vận tải 200.000.000 đồng, chi phí lán trại, đường điện 3 pha: 200.000.000 đồng, chi phí nhân công 100.000.000 đồng, phí ngoại giao 400.000.000 đồng, tổng chi phí 1.500.000.000 đồng và đưa ra mức lợi nhuận đối với ông C, ông S mỗi người được 300.000.000 đồng/người/tháng. Tin tưởng với thông tin Nguyễn Thị D đưa ra, ngày 20/01/2021 ông Đặng Ngọc C, ông Nguyễn Trường S và Nguyễn Thị D ký văn bản thỏa thuận góp vốn kinh doanh giữa ba cá nhân, nội dung cụ thể là ông C, ông S góp mỗi người 750.000.000 đồng cho D để D sử dụng thực hiện quản lý, khai thác cát tại huyện C, tỉnh Phú Thọ trong 05 năm, D không phải góp vốn, ông C, ông S được chia tiền lãi 300.000.000 đồng/người/ tháng, còn lại Nguyễn Thị D được hưởng. Sau khi ký văn bản thỏa thuận góp vốn nêu trên, ông S đã chuyển cho ông C 440.000.000 đồng để ông C chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thị D, từ ngày 21/01/2021 đến ngày 22/02/2021 ông C bỏ ra 720.000.000 đồng cùng số tiền

440.000.000 đồng của ông Nguyễn Trường S, tổng cộng là 1.160.000.000 đồng, ông C đã 06 lần chuyển tiền từ tài khoản của mình đến số tài khoản 103908388888 của Nguyễn Thị D tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, tổng số tiền 1.160.000.000 đồng. Do ông C, ông S không đủ khả năng góp đủ 1.500.000.000 đồng theo biên bản thoả thuận ngày 20/01/2021 nên D điều chỉnh giảm số vốn góp xuống 1.200.000.000 đồng, ngày 24/02/2021 hai bên thống nhất lập văn bản thoả thuận thay đổi mức vốn góp, ông C, ông S mỗi người chỉ phải góp 600.000.000 đồng, giữ nguyên mức lợi nhuận được chia 300.000.000đồng/người/ tháng, kể từ ngày 20/02/2021, ông C, ông S được D thanh toán tiền lợi nhuận trước ngày 25 hàng tháng.

Đến hạn thanh toán tiền lợi nhuận, Nguyễn Thị D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền như văn bản thoả thuận. Ông C, ông S đã nhiều lần liên lạc với Nguyễn Thị D nh D đưa ra nhiều lý do khất lần, trốn tránh không thanh toán tiền cũng không trả lại vốn góp cho ông C, ông S.

Sau khi thụ lý đơn tố giác tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành lấy lời khai ông Đặng Ngọc C, ông Nguyễn Trường S và Nguyễn Thị D:

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị D trình bày: Sau khi nhận được tiền của ông C, ông S, D đã sử dụng 400.000.000 đồng trả nợ cho bà Lê Thị T, sinh năm 1968, địa chỉ: Toà nhà Green star, đường Phạm Văn Đồng, quận N, thành phố Hà Nội, số tiền còn lại D sử dụng chi tiêu cá nhân. Sau đó, D lại khai: Khoảng tháng 02/2021, sau khi Công ty M chuyển máy hút và sàng lọc cát lên huyện C, tỉnh Phú Thọ, việc lắp đặt máy để hoạt động chưa diễn ra thì D biết chiếc máy thực chất là của ông Ngô Lê H là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn cát, đá sạch H, trụ sở tại: Phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình ký kết với Công ty M và việc kinh doanh sau đó do ông Mai Văn N, giám đốc Công ty M làm việc trực tiếp với Công ty Đ, không muốn D tham gia. Biết được thông tin trên, sau khi nhận số tiền 1.160.000.000 đồng của ông C và ông S, D khai đã sử dụng 800.000.000 đồng để góp vốn vào chiếc máy hút cát của ông Ngô Lê H với giá 1,6 tỷ đồng và trả cho ông H 800.000.000 đồng để cùng khai thác cát tại huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, khi đưa tiền cho ông H, D không lập giấy tờ giao nhận, số tiền còn lại D đã sử dụng vào việc cá nhân.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác minh địa chỉ Toà nhà Green star, đường Phạm Văn Đồng, quận N, thành phố Hà Nội, kết quả xác minh không có công dân họ tên Lê Thị T tại địa chỉ trên.

Cơ quan điều tra đã có văn bản yêu cầu Công ty trách nhiệm cát, đá sạch H cung cấp thông tin, tại văn bản ngày 07/02/2022, ông Ngô Lê H- Giám đốc Công ty cung cấp, bản thân cá nhân ông và Công ty TNHH cát, đá sạch H không có quan hệ hợp tác làm ăn, liên doanh, liên kết với cá nhân Nguyễn Thị D và Công ty 389 S.

Xác định có dấu hiệu tội phạm, ngày 11/02/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị D về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Ngày 11/02/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành khám xét nơi ở, nơi làm việc của bị cáo Nguyễn Thị D, kết quả khám xét tạm giữ: 01 case máy tính nhãn hiệu Dell màu

đen; 01 sao kê chi tiết giao dịch từ ngày 01/12/2020 đến ngày 01/8/2021 của Nguyễn Thị D đối với tài khoản số 103908388888 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam; 01 sao kê chi tiết giao dịch từ ngày 01/8/2021 đến ngày 30/8/2021 của Nguyễn Thị D đối với tài khoản số 103908388888 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam;

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị D thừa nhận, sau khi dừng triển khai hoạt động hợp tác, liên doanh, liên kết với Công ty Đ và Công ty M, đề huy động được vốn, Nguyễn Thị D đã đưa ra thông tin gian dối với ông C, ông S mình có mở cát cần tìm người góp vốn hợp tác khai thác cùng chia lợi nhuận, để ông C, ông S tin tưởng D đã sửa nội dung hợp đồng hợp tác giữa Công ty 389 S với Công ty Đ và sửa lại hợp đồng giữa Công ty 389 S và Công ty M theo hướng có lợi cho Công ty 389 S, mục đích để ông C, ông S tin tưởng vào khả năng tài C của Công ty 389 S và tỷ lệ lợi nhuận lớn từ mỏ cát Công ty 389 S, từ đó góp vốn và chuyển tiền cho D. Sau khi nhận được tiền góp vốn, D đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết, không thực hiện như cam kết với ông C, ông S. Do sợ chịu trách nhiệm nên D đã nài ra việc sử dụng số tiền huy động vốn trả cho bà Lê Thị T và góp vốn vào Công ty TNHH cát, đá sạch H với ông Ngô Lê H.

Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành xác minh tại Công ty Đ, bà Nguyễn Thị Thuỳ L- Giám đốc Công ty cung cấp: Ngày 05/01/2021 Nguyễn Thị D viết đơn xin rút khỏi hợp đồng đã ký ngày 04/11/2020 gửi trực tiếp cho bà Nguyễn Thị Thuỳ L, sau đó Công ty Đ và Công ty 389 S của Nguyễn Thị D không còn triển khai hoạt động kinh doanh, hợp tác với nhau. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành đối chất giữa bị cáo Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Thuỳ L: Bị cáo và bà L khai phù hợp về việc giao kết hợp đồng, xin rút khỏi hợp đồng của Nguyễn Thị D như trên.

Ngày 29/10/2021 và ngày 05/11/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ ra Quyết định trưng cầu giám định: Chữ ký, chữ viết Nguyễn Thị D trên Đơn xin rút khỏi hợp đồng ngày 05/01/2021, trên Biên bản thanh lý hợp đồng giữa Công ty 389 S và Công ty M ngày 02/01/2020, và Biên bản thỏa thuận góp vốn kinh doanh giữa Nguyễn Thị D với Nguyễn Trường S, Đặng Ngọc C ngày 24/02/2021 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị D trên bản tự khai của Nguyễn Thị D tại Cơ quan điều tra (mẫu so sánh). Tại Bản kết luận giám định số 1289/KLGĐ 12/11/2021, số 1300/KLGĐ-PC09 ngày 22/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ kết luận: Chữ ký, chữ viết Nguyễn Thị D trên Đơn xin rút khỏi hợp đồng ngày 05/01/2021, trên Biên bản thanh lý hợp đồng giữa Công ty 389 S và Công ty M ngày 02/01/2020, trên Biên bản thỏa thuận góp vốn kinh doanh giữa Nguyễn Thị D với Nguyễn Trường S, Đặng Ngọc C ngày 24/02/2021 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị D trên bản tự khai của Nguyễn Thị D tại Cơ quan điều tra (mẫu so sánh) là do một người ký và viết ra.

Tại bản Cáo trạng số: 18/CT-VKSPT-P1 ngày 05/7/2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã truy tố bị cáo: Nguyễn Thị D về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ thực hành quyền công tố luận tội: Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D từ 14 đến 15 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 11/2/2022.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo không có tài sản riêng gì.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải bồi thường cho ông Đặng Ngọc C số tiền 720.000.000đồng và bồi thường cho ông Nguyễn Trường S. số tiền 440.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY S21+ 5G màu S bạc, đã qua sử dụng; số seri: RFCR30KD6 WA của Nguyễn Thị D sử dụng liên lạc cá nhân và thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

01 case máy tính nhãn hiệu Dell màu đen không liên quan đến hành vi phạm tội của D nên trả cho D nH tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Lưu hồ sơ 01 sao kê chi tiết giao dịch từ ngày 01/12/2020 đến ngày 01/8/2021 của Nguyễn Thị D đối với tài khoản số 103908388888 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam;

Lưu hồ sơ 01 sao kê chi tiết giao dịch từ ngày 01/8/2021 đến ngày 30/8/2021 của Nguyễn Thị D đối với tài khoản số 103908388888 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam;

Tịch thu tiêu hủy 01 sim số thuê bao 0856.666.882 có trong điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY S21+ 5G màu S bạc của Nguyễn Thị D.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Lệnh phong tỏa tài khoản số tiền 300.000.000 đồng trong tài khoản số 5200158886868 của Nguyễn Thị D tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội (MB Bank) - Chi nhánh Tuyên Quang. Số tiền này không liên quan đến vụ án, trả lại cho D tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy lệnh phong tỏa tài khoản của Cơ quan cảnh sát điều tra.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa luật sư Đặng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C và luật sư Ứng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông S và ông C vắng mặt có bản luận cứ gửi Hội đồng xét xử. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Hành vi gian dối của bị cáo đưa ra thông tin không đúng sự thật làm cho ông C và ông S tin tưởng giao cho bị cáo số tiền 1.160.000.000 đồng mục đích để chiếm đoạt số tiền trên của ông C, ông S đã thỏa mãn dấu hiệu tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Số tiền 300.000.000đồng có trong tài khoản của D đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra phong tỏa là tiền của D, nên đề nghị hội đồng xét xử tuyên Tạm giữ để đảm bảo thi hành án nghĩa vụ dân sự của bị cáo đối với cho ông C và ông S. Ông C

có mặt cũng đồng ý với ý kiến của luật sư, về hình phạt đối với bị cáo ông C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi đúng như Cáo trạng truy tố, bị cáo không tranh luận gì. Bị cáo nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử, xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định và phù hợp với pháp luật.

Bị cáo bị truy tố khung hình phạt cao nhất là tù chung thân nên được Tòa án chỉ định luật sư bào chữa, tuy nhiên bị cáo từ chối luật sư do tòa án chỉ định, xét thấy đó là sự tự nguyện của bị cáo nên được chấp nhận.

Trong quyết định đưa vụ án ra xét xử tòa án xác định Công ty cổ phần thương mại Đ, Công ty trách nhiệm hữu hạn M, chị Đào Thị N, anh Hà Đăng K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, họ không có quyền, nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án mà họ chỉ tham gia với tư cách người làm chứng, nên Hội đồng xét xử đưa vào tham gia với tư cách người làm chứng.

[2] Về những chứng cứ xác định bị cáo có tội:

Công ty 389 S do Nguyễn Thị D làm giám đốc đã dừng triển khai hoạt động hợp tác, liên doanh, liên kết với Công ty Đ và Công ty M Nguyễn Thị D vẫn đưa ra thông tin gian dối mình có mỏ cát tại huyện C, tỉnh Phú Thọ cần huy động vốn của ông Đặng Ngọc C, ông Nguyễn Trường S để cùng hợp tác kinh doanh khai thác. Chia lợi nhuận. Để ông C ông S tin tưởng góp vốn, D trực tiếp chỉnh sửa lại hợp đồng mà Công ty 389 S đã dừng triển khai với Công ty Đ và Công ty M theo hướng có lợi cho công ty mình. Tin tưởng thông tin D đưa ra, từ ngày 21/01/2021 đến ngày 22/02/2021, ông Nguyễn Trường S và ông Đặng Ngọc C đã 06 lần chuyển tiền vào số tài khoản 103908388888 của Nguyễn Thị D tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, tổng số tiền 1.160.000.000 đồng. Với mục đích chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức huy động vốn để cùng hợp tác kinh doanh sau đó chiếm đoạt, sau khi nhận được tiền D không dùng vào việc đầu tư khai thác cát mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Hành vi phạm tội của Nguyễn Thị D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Đối với chị Đào Thị N là kế toán Công ty 389 S, tại phiên tòa chị N và bị cáo đã khai rõ người chỉnh sửa các nội dung trong hợp đồng giữa Công ty 389 S và Công ty M là do Nguyễn Thị D trực tiếp chỉnh sửa, chị N chỉ giúp D sửa hình thức văn bản không biết nội dung và mục đích chỉnh sửa của D để thực hiện hành vi phạm tội, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý chị N là phù hợp với pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo đặc biệt nghiêm trọng, số tiền bị cáo chiếm đoạt rất lớn nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải chồng bị cáo được nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhì năm 2014, hạng ba năm 2011 nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Do vậy, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng gì nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa ông ông Đặng Ngọc cầu bị cáo bồi thường số tiền 720.000.000đồng và ông ông Nguyễn Trường S yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 440.000.000đồng. Xét thấy yêu cầu của ông C và ông S phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY S21+ 5G màu S bạc, đã qua sử dụng của Nguyễn Thị D sử dụng liên lạc cá nhân và thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

+ 01 case máy tính nhãn hiệu Dell màu đen không liên quan đến hành vi phạm tội của D nên trả cho D tại giữ để đảm bảo thi hành án.

Lưu hồ sơ 01 sao kê chi tiết giao dịch từ ngày 01/12/2020 đến ngày 01/8/2021 của Nguyễn Thị D đối với tài khoản số 1***** tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam;

Lưu hồ sơ 01 sao kê chi tiết giao dịch từ ngày 01/8/2021 đến ngày 30/8/2021 của Nguyễn Thị D đối với tài khoản số 103908388888 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam;

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Lệnh phong tỏa tài khoản số tiền 300.000.000 đồng trong tài khoản số 5200158886868 của Nguyễn Thị D tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội (MB Bank) - Chi nhánh Tuyên Quang. Quá trình điều tra và tại phiên tòa D khai số tiền 300.000.000đồng là tiền D vay của anh Hà Đăng K, sinh năm 1984, trú tại: Xã Cao An, huyện C, tỉnh Hải Dương, thời hạn vay 1 tháng, mục đích vay để trả cho ông C và ông S. Tại phiên tòa D đề nghị được xin lại để trả cho anh K. Anh K cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem

xét cho anh xin lại số tiền 300.000.000đồng. Tuy nhiên, việc vay nợ giữa anh K và D là quan hệ dân sự riêng không liên quan đến vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Tại phiên tòa D khai vay anh K thời hạn 1 tháng, nên hết hạn D không trả, anh K có quyền khởi kiện vụ án dân sự để đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Còn số tiền anh K chuyển vào tài khoản của D, tại thời điểm bị bắt số tiền nằm trong tài khoản của D nên thuộc quyền sở hữu của D. Số tiền này không liên quan đến vụ án, trả lại cho D nH tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 01 sim số thuê bao 0856.666.882 có trong điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY S21+ 5G màu S bạc của Nguyễn Thị D.

Hủy bỏ lệnh phong tỏa tài khoản của Cơ quan cảnh sát điều tra số tiền 300.000.000 đồng trong tài khoản số 5200158886868 của Nguyễn Thị D tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội (MB Bank) - Chi nhánh Tuyên Quang. Giao cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ quản lý số tiền và tài khoản trên để đảm bảo thi hành án.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề xuất về hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với pháp luật nên chấp nhận. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định những nội dung đã nêu trên xét thấy phù hợp với pháp luật nên cũng được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 11/2/2022.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Thị D.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải bồi thường cho ông Đặng Ngọc C số tiền 720.000.000đồng (Bảy trăm hai mươi triệu đồng) và bồi thường cho ông Nguyễn Trường S số tiền 440.000.000đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY S21+ 5G màu S bạc.

Trả cho Nguyễn Thị D 01 case máy tính nhãn hiệu Dell màu đen, nH tại giữ để đảm bảo thi hành án.

Lưu hồ sơ 01 sao kê chi tiết giao dịch từ ngày 01/12/2020 đến ngày 01/8/2021 của Nguyễn Thị D đối với tài khoản số 103908388888 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam;

Lưu hồ sơ 01 sao kê chi tiết giao dịch từ ngày 01/8/2021 đến ngày 30/8/2021 của Nguyễn Thị D đối với tài khoản số 103908388888 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam;

Tịch thu tiêu hủy 01 sim số thuê bao 0856.666.882 có trong điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY S21+ 5G màu S bạc của Nguyễn Thị D.

Hủy bỏ lệnh phong tỏa tài khoản số 02/LPT ngày 01/6/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đối với số tiền 300.000.000 đồng trong tài khoản số 5200158886868 của Nguyễn Thị D tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội (MB Bank) - Chi nhánh Tuyên Quang. Giao cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ quản lý số tiền và tài khoản trên để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/7/2022)

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị D chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 46.800.000đồng (Bốn mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự trong án hình sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bị cáo, người bị hại, những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại, những người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Công an tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan THAHS - CA tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- UBND P. Đ, TP. Tuyên Quang;
- Ngân hàng MB Chi nhánh Tuyên Quang

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Những người tham gia tổ tụng;
- Lưu: HS+VP.

Điều Thị Bích Lược

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh PT;
- VKSND huyện LT;
- Công an huyện LT;
- Cơ quan THAHS - CA huyện LT;
- Chi cục THADS huyện LT;
- Sở Tư pháp tỉnh PT;
- UBND xã Vĩnh Lại - H. Lâm Thao;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đieu Thị Bích Lược